TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 25/01/2018
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Thanh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2017/TLST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1972, địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Long H, sinh năm: 1982 (Có đơn xin vắng mặt);

Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm: 1982 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã 5, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2017, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 17/11/2017 các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Vào ngày 02/9/2016 anh H có làm biên nhận vay của chị số tiền 25.000.000đ, với lãi suất 6%/tháng, thỏa thuận 03 tuần sau sẽ trả gốc lãi, anh H

có nói vay của chị đỡ số tiền trên để lo cho người quen của anh vào làm việc ở chỗ nào đó có lương cao, đến hẹn anh H không trả.

Khi anh H vay tiền, không có mặt chị D, việc chị D có biết anh H vay tiền của chị hay không, chị không được biết, khoảng 04 tuần sau, chị đến nhà anh H, chị D để đòi tiền, không có anh H ở nhà, chị gặp chị D và trình bày việc chị cho anh H vay tiền, chị D có nói với chị, việc anh H vay tiền, chị không biết, hiện nay anh H đã đi nước ngoài làm ăn, khi nào về thì anh H trả tiền cho chị.

Ngày 10/8/2017, cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình có mời chị đến và giao cho chị 6.800.000đ là tiền kê biên tài sản của anh H, chị D. Chị thống nhất nhận số tiền này để trừ vào tiền gốc mà anh H vay của chị.

Ngày 09/3/2017, anh H có trả cho chị được 500.000đ và ngày 12/4/2017 anh H trả thêm 200.000đ, tổng cộng là 700.000đ, chị và anh H thỏa thuận số tiền 700.000đ là tiền anh H trả lãi.

Nay chị yêu cầu anh Lê Long H và chị Lê Thị Mỹ D là vợ liên đới trả cho chị số tiền vay gốc còn nợ là 18.200.000đ, nợ lãi của số tiền vay 25.000.000đ tính từ ngày 02/9/2016 đến ngày 09/8/2017; số tiền gốc 18.200.000đ, tính lãi từ ngày 10/8/2017 đến ngày 25/01/2018 theo lãi suất do Nhà nước quy định.

Tại bản khai ngày 20/08/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, bị đơn anh Lê Long H trình bày:

Anh và chị Lê Thị Mỹ D là vợ chồng, anh thừa nhận vào ngày 02/9/2016 có vay của Chị P 25.000.000đ, số tiền này anh sử dụng tiêu xài cá nhân, không sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng. Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình có kê biên tài sản của anh và trả cho Chị P được 6.800.000đ, còn nợ tiền gốc là 18.200.000đ và anh có trả cho Chị P hai lần tiền lãi được 700.000đ.

Nay anh có ý kiến như sau: Anh đồng ý trả cho Chị P nợ gốc còn lại là 18.200.000đ, anh đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Chị P, yêu cầu trừ số tiền 700.000đ mà Chị P đã nhận vào tiền lãi, không đồng ý buộc chị D chịu trách nhiệm liên đới cùng với anh trả nợ cho Chị P.

Tại bản khai ngày 20/8/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, bị đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày:

Việc anh H vay tiền của Chị P chị không biết, anh H vay tiền về sử dụng cho mục đích cá nhân, nên chị không thống nhất liên đới cùng anh H trả tiền vay và lãi theo yêu cầu của Chị P.

Chị P có nhận 6.800.000đ là tiền do Chi cục Thi hành án ân sự huyện Thanh Bình kê biên tài sản chung của chị và anh H sau khi chi trả cho những người khác còn dư, chị đồng ý cho anh H phần tiền của chị trong số tiền 6.800.000đ, để anh H trả cho Chị P, chị không yêu cầu anh H trả lại, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị P đối với anh H, không chấp nhận yêu cầu của Chị P về việc buộc chị D chịu trách nhiệm liên đới cùng anh H trả nợ cho Chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện khiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vào ngày 02/9/2016, anh H có vay của chị Phụng 25.000.000đ, với lãi suất 6%/tháng, thỏa thuận 03 tuần sau sẽ trả đủ gốc lãi, đến hẹn anh H không trả nợ theo thỏa thuận, làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh H và chị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị D là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Long H, đã thống nhất số tiền nợ gốc còn lại là 18.200.000đ, số tiền lãi anh H đã trả cho Chị P là 700.000đ, anh H đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Chị P và yêu cầu khấu trừ 700.000đ mà Chị P đã nhận vào nợ lãi. Tuy nhiên anh H không đồng ý việc buộc chị D chịu trách nhiêm liên đới cùng với anh trả nợ cho Chị P.

[2.2] Tòa án nhận định: Giữa Chị P và và anh H đã thỏa thuận về tiền nợ gốc là 18.200.000đ, anh H đồng ý trả nợ gốc là 18.200.000đ nên được công nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Chị P và anh H đã thống nhất số tiền 700.000đ mà Chị P đã nhận là nhận tiền lãi, nên tiền lãi mà anh H còn phải trả cho Chị P được tính như

sau:

[2.4] Đối với số tiền vay 25.000.000đ vào ngày 02/9/2016, đến ngày 09/8/2017 là 341 ngày, tiền lãi là 2.131.250đ, tính tròn là 2.131.000đ (25.000.000đ x 341 ngày x 0,75%/tháng).

[2.5] Đối với số tiền 18.200.000đ, tính từ ngày 10/8/2017 đến ngày 25/01/2018 là 168 ngày, tiền lãi là 764.400đ, tính tròn là 764.000đ (18.200.000đ x 168 ngày x 0,75%/tháng).

[2.6] Tổng cộng tiền lãi là 2.895.000đ, tiền lãi anh H còn phải trả cho Chị P là 2.195.000đ (2.895.000đ – 700.000đ).

[2.7] Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 20.395.000đ (18.200.000đ + 2.195.000đ).

[2.8] Về yêu cầu của Chị P, yêu cầu buộc chị D chịu trách nhiệm liên đới cùng anh H trả nợ gốc và lãi, xét thấy: Do anh H vay tiền của Chị P để sử dụng vào mục đích cá nhân, nên yêu cầu của Chị P đối với chị D không được chấp nhận.

[2.9] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim P đối với anh Lê Long H. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim P đối với chị Lê Thị Mỹ D.

Buộc anh Lê Long H phải trả cho chị Nguyễn Thị Kim P số tiền nợ gốc và lãi là 20.395.000đ (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án mà anh H chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào từng thời điểm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Long H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.020.000đ, tính tròn (Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình .

Chị P được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số BN/2013 - 14397 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Nguyên đơn Chị P có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn anh H và chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Tòa án ND Tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Bùi Văn Toán